



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 37
8. Phụ lục	38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000010 ngày 22 tháng 9 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 5 năm 2006 với nội dung tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 7 năm 2009 và lần thứ tư ngày 19 tháng 8 năm 2010 với nội dung tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 272.236.470.000 VND

Trong đó:

	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	12,50
Các cổ đông khác	238.212.810.000	87,50
Cộng	272.236.470.000	100,00

Vốn pháp định : 6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3836130

Fax : (061) 3836023

Mã số thuế : 3600475018

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tắm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Sản xuất, mua bán Clinker; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, khu dân cư; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Vào cuối tháng 12 năm 2011, Công ty đã hoàn tất giai đoạn chạy thử và đưa vào hoạt động chính thức Nhà máy nghiền xi măng tại Nhơn Trạch.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2011 và tạm trích lập các quỹ năm 2011 theo điều lệ của Công ty như sau:

- Chia cổ tức	:	27.223.647.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	:	3.006.478.387 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	:	1.503.239.193 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	29 tháng 04 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Dương Xuân Bình	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Jiang Wen	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Lê Trung Chính	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đoàn Dũng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2005	-
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2002	-
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 05 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 03 năm 2010	-

2047448-C
CÔNG TY
NHIỆM HỮU HẠ
V TOÁN VÀ
Ư VẤN
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần tắm lột vật liệu xây dựng Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0433/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Từ tháng 4 năm 2011, Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch đã hoàn thành cơ bản, Công ty tiến hành chạy thử để chuẩn bị đưa vào hoạt động sản xuất chính thức và thời gian chạy thử được Công ty dự kiến từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2011. Tuy nhiên do hoạt động của máy móc và thiết bị của Nhà máy chưa ổn định nên Công ty đã kéo dài hoạt động chạy thử đến cuối năm 2011. Các chi phí liên quan đến chạy thử (bao gồm cả chi phí lãi vay) từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2011 khoảng 76.511.299.453 VND đã được Công ty vốn hóa. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của hoạt động chạy thử này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.545.464.026	80.946.560.337
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.917.431.449	6.215.749.142
1. Tiền	111		3.117.431.449	6.215.749.142
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		11.437.310.843	33.926.558.134
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	9.680.482.078	15.971.308.051
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.285.487.328	17.738.373.621
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		471.341.437	216.876.462
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		139.650.584.844	39.800.646.111
1. Hàng tồn kho	141	V.4	139.650.584.844	39.800.646.111
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.540.136.890	1.003.606.950
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.540.136.890	1.003.606.950

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.048.966.465.630	863.063.919.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		952.235.600.420	767.460.310.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	880.272.334.609	26.242.805.006
<i>Nguyên giá</i>	222		980.548.057.649	121.036.615.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(100.275.723.040)	(94.793.810.700)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	9.082.650.170	9.045.344.008
<i>Nguyên giá</i>	228		9.333.877.589	9.162.641.589
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(251.227.419)	(117.297.581)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	62.880.615.641	732.172.161.711
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90.000.000.000	90.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.730.865.210	5.603.609.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	235.900.000	132.850.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	6.494.965.210	5.470.759.215
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.205.511.929.656	944.010.480.277

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		816.659.689.029	551.968.115.930
I. Nợ ngắn hạn	320		385.513.178.984	184.368.479.165
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	209.477.595.402	98.802.230.472
2. Phải trả người bán	312	V.13	65.956.066.783	69.442.101.434
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	61.513.767.644	13.748.093
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	6.168.820.178	1.490.958.269
5. Phải trả người lao động	315	V.16	4.539.842.782	5.854.108.535
6. Chi phí phải trả	316	V.17	3.228.610.250	1.980.792.512
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	28.595.932.204	1.461.055.604
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	6.032.543.741	5.323.484.246
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		431.146.510.045	367.599.636.765
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	427.569.826.807	365.341.904.287
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	3.576.683.238	2.200.892.013
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	56.840.465
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		388.852.240.627	392.042.364.347
I. Vốn chủ sở hữu	410		388.852.240.627	392.042.364.347
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	272.236.470.000	272.236.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.22	(11.470.855.106)	(6.391.789.603)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	11.243.301.309	11.243.301.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	11.450.902.692	9.947.663.499
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	28.655.171.332	28.269.468.742
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.205.511.929.656	944.010.480.277

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.23	41.615.568.652	1.684.116.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.460.608	39.460.608
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		448,08	36,585.35
Euro (EUR)		367,99	358.77
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2012



Bùi Thị Hoan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẦM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	312.131.319.967	339.294.605.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	312.131.319.967	339.294.605.034
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	223.029.973.921	275.931.969.812
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.101.346.046	63.362.635.222
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	1.072.246.969	5.208.303.896
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	27.475.062.576	16.627.110.411
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.680.686.307	13.337.233.528
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	4.769.831.439	3.730.061.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	14.759.563.298	13.237.456.508
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.169.135.702	34.976.310.630
11. Thu nhập khác	31	VL.7	447.753.485	1.932.628.319
12. Chi phí khác	32	VL.8	601.327.750	375.636.023
13. Lợi nhuận khác	40		(153.574.265)	1.556.992.296
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.015.561.437	36.533.302.926
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	9.623.753.042	6.481.347.205
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.9	1.272.741.225	2.208.787.513
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>32.119.067.170</u>	<u>27.843.168.208</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	<u>1.180</u>	<u>1.210</u>

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2012


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng
Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.015.561.437	36.533.302.926
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.6, 7	6.257.586.695	5.862.404.215
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(484.050.762)	(2.339.314.812)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7, 8	(424.224.753)	(1.550.045.356)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25.680.686.307	13.337.233.528
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74.045.558.924	51.843.580.501
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.850.174.664	4.077.882.922
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(99.849.938.733)	3.132.933.521
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		52.251.838.261	(5.709.725.539)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(24.834.043.040)	(13.244.040.598)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(5.230.974.418)	(7.879.109.270)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.000.000	28.902.318.883
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.835.128.403)	(35.459.126.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.405.487.255	25.664.713.726
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.6, 8	(191.048.081.248)	(263.314.110.777)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	264.368.500	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		175.061.111	2.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(190.608.651.637)	(260.614.110.777)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	90.705.490.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12, 20	376.175.462.620	353.285.619.097
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12	(203.272.175.170)	(205.321.151.656)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(31.725.435.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		172.903.287.450	206.944.522.216
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.299.876.932)	(28.004.874.835)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.215.749.142	34.184.247.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.559.239	36.376.686
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.917.431.449	6.215.749.142

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Bùi Thị Hoan
Người lập biểuNguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởngTrần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 547 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 537 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Vào cuối tháng 12 năm 2011, Công ty đã hoàn tất giai đoạn chạy thử và đưa vào hoạt động chính thức nhà máy nghiền xi măng tại Nhơn Trạch.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc và thiết bị	10% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5% - 12,5%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 2%/năm đến 5%/năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bù lỗ của Công ty với mức trích lập hàng năm là 5% lợi nhuận sau thuế và được trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, các tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	150.082.793	54.926.289
Tiền gửi ngân hàng	2.967.348.656	6.160.822.853
Các khoản tương đương tiền	800.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
Cộng	<u>3.917.431.449</u>	<u>6.215.749.142</u>

2. Phải thu khác hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng mua thành phẩm	9.374.306.593	15.342.222.146
Các khách hàng khác	306.175.485	629.085.905
Cộng	<u>9.680.482.078</u>	<u>15.971.308.051</u>

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	-	10.156.804.721
Các nhà cung cấp khác	1.285.487.328	7.581.568.900
Cộng	<u>1.285.487.328</u>	<u>17.738.373.621</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	126.298.354.912	34.951.051.485
Công cụ, dụng cụ	318.141.696	329.832.032
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.235.645	26.235.646
Thành phẩm	13.007.852.591	4.493.526.948
Cộng	139.650.584.844	39.800.646.111

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.533.836.890	997.306.950
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	6.300.000	6.300.000
Cộng	1.540.136.890	1.003.606.950

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.801.759.057	69.358.539.573	23.966.944.610	909.372.466	121.036.615.706
Mua sắm trong năm	-	1.889.537.295	-	598.081.818	2.487.619.113
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	404.980.846.647	435.164.653.144	16.300.296.000	1.234.976.414	857.680.772.205
Thanh lý, nhượng bán	(70.720.000)	-	(504.028.075)	(82.201.300)	(656.949.375)
Số cuối năm	431.711.885.704	506.412.730.012	39.763.212.535	2.660.229.398	980.548.057.649
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.113.883.974	51.843.213.329	6.606.616.041	635.377.914	72.199.091.258
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.659.813.166	59.448.815.008	12.934.699.780	750.482.746	94.793.810.700
Khấu hao trong năm	1.105.802.012	2.186.850.884	2.662.220.574	168.783.387	6.123.656.857
Thanh lý, nhượng bán	(70.720.000)	-	(504.028.075)	(66.996.442)	(641.744.517)
Số cuối năm	22.694.895.178	61.635.665.892	15.092.892.279	852.269.691	100.275.723.040
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.141.945.891	9.909.724.565	11.032.244.830	158.889.720	26.242.805.006
Số cuối năm	409.016.990.526	444.777.064.120	24.670.320.256	1.807.959.707	880.272.334.609
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 858.004.890.218 VND và 814.487.951.647 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	43.997.560	9.162.641.589
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	-	171.236.000	171.236.000
Số cuối năm	9.118.644.029	215.233.560	9.333.877.589
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	85.032.689	32.264.892	117.297.581
Khấu hao trong năm	122.276.389	11.653.449	133.929.838
Số cuối năm	207.309.078	43.918.341	251.227.419
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.033.611.340	11.732.668	9.045.344.008
Số cuối năm	8.911.334.951	171.315.219	9.082.650.170
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất và một số phần mềm máy tính có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 9.069.880.029 VND và 8.931.217.044 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	11.580.494.663	(11.313.326.290)	-	267.168.373
XDCB dở dang	732.172.161.711	176.620.893.186	(845.556.522.496)	(623.085.133)	62.613.447.268
- Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch	650.508.278.789	153.375.038.284	(803.751.064.878)	(132.252.195)	-
- Công trình bến xà lan 500 tấn	27.825.116.916	921.290.579	(28.746.407.495)	-	-
- Công trình bến xà lan 30.000 tấn	25.156.705.601	23.085.677.503	-	(483.481.192)	47.758.901.912
- Công trình đường Phước Khánh đến trạm nghiền	14.854.545.356	-	-	-	14.854.545.356
- Các công trình khác	13.827.515.049	221.046.239	(14.041.209.542)	(7.351.746)	-
Cộng	732.172.161.711	189.183.547.268	(857.852.008.205)	(623.085.133)	62.880.615.641

9. Đầu tư dài hạn khác

Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp là 10%.

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	132.850.000	140.745.500
Phát sinh trong năm	103.050.000	-
Hoàn nhập trong năm	-	(7.895.500)
Số cuối năm	235.900.000	132.850.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản dài hạn khác**

Ký quỹ L/C thanh toán hợp đồng thi công xây dựng Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch và mua máy móc thiết bị sản xuất tấm lợp.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	169.477.595.402	74.802.230.472
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>169.477.595.402</i>	<i>74.802.230.472</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	40.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	209.477.595.402	98.802.230.472

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất 17%-19,5%/ năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình (xem thuyết minh số V.6 và V.7).

Chi tiết số phát sinh trong năm của các khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	98.802.230.472	79.079.222.540
Số tiền vay phát sinh trong năm	273.947.540.100	201.044.159.588
Kết chuyển từ vay dài hạn	40.000.000.000	24.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(203.272.175.170)	(205.321.151.656)
Số cuối năm	209.477.595.402	98.802.230.472

13. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
China Machine-Building International Corp	55.106.891.107	50.090.438.949
Material resources & Trading Corporation	2.217.749.819	9.321.586.704
Các nhà cung cấp khác	8.631.425.857	10.030.075.781
Cộng	65.956.066.783	69.442.101.434

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	61.486.667.616	-
Các khách hàng khác	27.100.028	13.748.093
Cộng	61.513.767.644	13.748.093

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	174.582.965	4.904.685.827	(4.504.228.915)	575.039.877
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.269.745.292	(7.269.745.292)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.269.255.472	(3.269.255.472)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.167.209.693	9.623.753.042	(5.230.974.418)	5.559.988.317
Thuế thu nhập cá nhân	143.050.913	268.470.427	(380.709.729)	30.811.611
Thuế tài nguyên	6.114.698	49.216.882	(52.351.207)	2.980.373
Thuế khác	-	120.711.916	(120.711.916)	-
Cộng	1.490.958.269	25.505.838.858	(20.827.976.949)	6.168.820.178

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tầm lợp, xi măng, gạch 10%
- Vận chuyển, phế liệu 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.015.561.437	36.533.302.926
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.514.015.631	1.458.635.948
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.034.564.901)	(12.066.550.053)
Thu nhập tính thuế	38.495.012.167	25.925.388.821
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.623.753.042	6.481.347.205

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) trong năm và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:

- Xi măng : 24.000 VND/tấn
- Tầm lợp : 2.000 - 2.300 VND/m²
- Gạch : 350 VND/viên
- Ngói : 655 VND/viên
- Đá Pozzolana : 24.000 VND/tấn
- Gia công xi măng : 12.000 VND/tấn

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.015.600.000	884.400.000
Lãi vay phải trả	1.633.155.000	786.511.733
Chi phí khác	579.855.250	309.880.779
Cộng	3.228.610.250	1.980.792.512

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	377.503.119	1.934.965
Kinh phí công đoàn	203.227.397	162.366.431
Bảo hiểm thất nghiệp	42.241.441	13.069.995
Cổ tức phải trả	27.271.285.675	47.638.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác	701.674.572	1.236.045.538
Cộng	28.595.932.204	1.461.055.604

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.228.780.898	2.104.534.871	8.000.000	(1.965.296.000)	3.376.019.769
Quỹ phúc lợi	2.094.703.348	901.943.516	-	(340.122.892)	2.656.523.972
Cộng	5.323.484.246	3.006.478.387	8.000.000	(2.305.418.892)	6.032.543.741

20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất từ 19%-21,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.6 và V.7).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống	40.000.000.000	24.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	348.000.000.000	186.000.000.000
Trên 5 năm	79.569.826.807	179.341.904.287
Tổng nợ	467.569.826.807	389.341.904.287

Chi tiết số phát sinh về khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	365.341.904.287	236.869.856.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	102.227.922.520	152.472.048.287
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(40.000.000.000)	(24.000.000.000)
Số cuối năm	427.569.826.807	365.341.904.287

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.200.892.013	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.375.791.225	2.200.892.013
Số cuối năm	3.576.683.238	2.200.892.013

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức năm trước	-	31.725.435.225
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-
Cộng	-	31.725.435.225

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản tiền và công nợ ngắn hạn.

23. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị Clinker nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	34.815.011.152	-
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	6.800.557.500	1.684.116.000
Cộng	41.615.568.652	1.684.116.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	312.131.319.967	339.294.605.034
- Doanh thu bán thành phẩm	238.493.665.057	213.113.283.059
- Doanh thu gia công	72.517.924.680	125.871.065.020
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.119.730.230	310.256.955
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	312.131.319.967	339.294.605.034

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	161.546.704.715	156.343.298.390
Giá vốn gia công	61.022.043.268	119.588.671.422
Giá vốn khác	461.225.937	-
Cộng	223.029.973.921	275.931.969.812

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	110.628.161	164.432.834
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	175.061.111	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	2.700.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	185.510.935	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	484.050.762	2.339.314.812
Doanh thu hoạt động tài chính khác	116.996.000	4.556.250
Cộng	1.072.246.969	5.208.303.896

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.680.686.307	13.337.233.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.794.376.269	2.139.925.239
Lỗ thu hồi khoản đầu tư	-	1.149.951.644
Cộng	27.475.062.576	16.627.110.411

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.255.551.343	2.031.860.068
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	305.665.241	44.469.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	285.165.698	142.822.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.480.370.212	1.294.361.941
Chi phí khác	443.078.945	216.547.480
Cộng	4.769.831.439	3.730.061.569

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.662.128.562	4.535.761.882
Chi phí vật liệu quản lý	42.722.398	946.578.467
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.251.518	205.534.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.524.917.316	1.375.938.517
Thuế, phí và lệ phí	91.080.610	160.794.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.079.341.280	2.316.474.078
Chi phí khác	4.358.121.614	3.696.375.187
Cộng	14.759.563.298	13.237.456.508

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	264.368.500	-
Thu nhập khác – chủ yếu là cung cấp dịch vụ điện, nước cho nhà thầu thi công Nhà máy nghiền Nhon Trạch	183.384.985	1.932.628.319
Cộng	447.753.485	1.932.628.319

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	15.204.858	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	534.216.609	-
Chi phí khác	51.906.283	375.636.023
Cộng	601.327.750	375.636.023

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(103.050.000)	7.895.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.375.791.225	2.200.892.013
Cộng	1.272.741.225	2.208.787.513

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.119.067.170	27.843.168.208
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.119.067.170	27.843.168.208
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.223.647	23.020.390
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.180	1.210

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	27.223.647	18.149.098
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm 2010	-	4.871.292
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.223.647	23.020.390

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	230.487.803.140	236.223.908.851
Chi phí nhân công	29.489.210.189	27.684.129.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.257.586.695	5.862.404.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.560.188.470	20.909.639.472
Chi phí khác	5.103.708.422	4.355.377.980
Cộng	303.898.496.916	295.035.460.446

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm Công ty mượn tiền của chủ tịch Hội đồng quản trị số tiền là 3.390.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ này đã được hoàn trả.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.383.391.904	1.290.519.275
Thù lao và các khoản khác	319.200.000	183.600.000
Cộng	1.702.591.904	1.474.119.275

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	173.237.033.766	142.096.312.334
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.058.937.800	126.153.439.711
Vay	-	16.800.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thanh		
Mua tài sản cố định	1.202.252.975	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần xi măng Công Thanh</i>		
Trả trước tiền mua nguyên liệu	-	10.156.804.721
<i>Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thanh</i>		
Trả trước tiền mua tài sản cố định	358.916.250	-
Cộng nợ phải thu	358.916.250	10.156.804.721
<i>Công ty cổ phần xi măng Công Thanh</i>		
Nhận trước tiền gia công	61.486.667.616	-
Cộng nợ phải trả	61.486.667.616	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản phẩm tấm lọc: sản xuất sản phẩm tấm lọc và bán cho các Công ty hoặc cá nhân
- Gia công xi măng: Cung cấp dịch vụ gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Kinh doanh các sản phẩm tấm lọc</u>	<u>Gia công xi măng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	225.060.813.091	80.762.410.440	6.308.096.436	-	312.131.319.967
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.060.813.091	80.762.410.440	6.308.096.436	-	312.131.319.967
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.957.372.783	7.514.074.953	1.100.503.573	-	69.571.951.309
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					69.571.951.309

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lột	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu hoạt động tài Chính					1.072.246.969
Chi phí tài chính					(27.475.062.576)
Thu nhập khác					447.753.485
Chi phí khác					(601.327.750)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.623.753.042)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.272.741.225)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					32.119.067.170
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	25.000.000	190.509.299.430	513.781.818	-	191.048.081.248
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.083.011.338	3.586.358.722	588.216.635	-	6.257.586.695
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	194.336.406.890	125.871.065.020	19.087.133.124	-	339.294.605.034
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.336.406.890	125.871.065.020	19.087.133.124	-	339.294.605.034
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	53.290.294.415	5.301.895.362	1.040.383.876	-	59.632.573.653
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(13.237.456.508)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					46.395.117.145
Doanh thu hoạt động tài chính					5.208.303.896
Chi phí tài chính					(16.627.110.411)
Thu nhập khác					1.932.628.319
Chi phí khác					(375.636.023)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6.481.347.205)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.208.787.513)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					27.843.168.208
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.696.900	257.750.000	263.028.663.877	-	263.314.110.777
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.465.579.564	863.512.280	3.533.312.371	-	5.862.404.215

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lột	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	108.241.182.041	1.001.413.328.165	1.232.746.563	1.110.887.256.769
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				94.624.672.886
Tổng tài sản				1.205.511.929.655
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.096.046.847	782.138.303.021	8.210.654.805	847.445.004.673
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				96.565.475.604
Tổng tài sản				944.010.480.277
Số cuối năm				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.351.098.222	763.257.313.549	8.658.525.885	774.266.937.656
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				42.392.751.373
Tổng nợ phải trả				816.659.689.029
Số đầu năm				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.854.108.535	526.543.564.158	10.043.823.874	542.441.496.567
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				9.526.619.363
Tổng nợ phải trả				551.968.115.930

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thuê hoạt động

Công ty thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa I đối với diện tích đất sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động như sau:

Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng số 68/HĐTĐ/BH1 ngày 15 tháng 8 năm 2005:

Diện tích (m ²)	90.024,60
Tiền thuê đất (VND/m ² /năm)	800
Phí hạ tầng (USD/m ² /năm)	0,53
Thời gian thuê còn lại (năm)	39.29

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.065.786.044	975.322.196
Trên 1 năm đến 5 năm	4.263.144.176	3.901.288.784
Trên 5 năm	37.251.209.850	35.060.297.366
Cộng	42.580.140.070	39.936.908.346

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.917.431.449	6.215.749.142	3.917.431.449	6.215.749.142
Phải thu khách hàng	9.680.482.078	15.971.308.051	9.680.482.078	15.971.308.051
Các khoản phải thu khác	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	103.604.213.527	112.193.357.193	103.604.213.527	112.193.357.193
Nợ phải trả tài chính				
Vay	637.047.422.209	464.144.134.759	637.047.422.209	464.144.134.759
Phải trả người bán	65.956.066.783	69.442.101.434	65.956.066.783	69.442.101.434
Các khoản phải trả khác	33.444.283.457	6.745.099.408	33.444.283.457	6.745.099.408
Cộng	736.447.772.449	540.331.335.601	736.447.772.449	540.331.335.601

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự, của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

6. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.6, V.7, V.12 và V.20).

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định hữu hình	814.487.951.647	10.105.078.742
Quyền sử dụng đất	8.762.834.977	8.875.028.029
Tài sản cố định vô hình khác	168.382.067	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	650.508.278.789
Cộng	823.419.168.691	669.488.385.560

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp này khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Các rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu khách hàng ứng trước tiền hàng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro tài chính thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi vay phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	301.312.769.311	558.192.844.396	86.409.985.999	945.915.599.706
Phải trả người bán	65.956.066.783	-	-	65.956.066.783
Các khoản phải trả khác	33.444.283.457	-	-	33.444.283.457
Cộng	400.713.119.551	558.192.844.396	86.409.985.999	1.045.315.949.946
Số đầu năm				
Vay và nợ	168.786.474.712	358.074.351.142	182.860.093.793	709.720.919.647
Phải trả người bán	69.442.101.434	-	-	69.442.101.434
Các khoản phải trả khác	6.745.099.408	-	-	6.745.099.408
Cộng	244.973.675.554	358.074.351.142	182.860.093.793	785.908.120.489

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán, và rủi ro về giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá cả nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng 1 năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản ký quỹ, các khoản vay và các khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ USD.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với các giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lỗ chênh lệch tỷ giá sẽ tăng/giảm 1.229.618.167 VND (năm trước tăng/giảm 1.174.387.836 VND) chủ yếu do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của khoản tiền gửi ngân hàng, vay và phải trả cho người bán. Lợi nhuận sau thuế không bị ảnh hưởng đáng kể do Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá nên các khoản lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.229.618.167 VND (năm trước giảm/tăng 1.174.387.836 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất theo thị trường.

Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với giả định các biến số khác không đổi, nếu lãi suất tăng/giảm 3% đối với các khoản vay bằng VND và 1% đối với các khoản vay bằng USD thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 13.372.587.052 VND (năm trước giảm/tăng 10.443.243.032 VND) chủ yếu do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do sự tăng lên của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định về đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá cả các cổ phiếu tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 6.750.000.000 VND (năm trước tăng/giảm 6.750.000.000 VND). Mức độ nhạy cảm đối với biến động của giá cổ phiếu năm nay không thay đổi so với năm trước do Công ty không thay đổi số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Sự biến động của giá cả ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2012



Bùi Thị Hoan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm trước	181.490.980.000	76.777.250.400	(2.623.766.138)	11.243.301.309	8.555.505.089	36.330.250.264	311.773.520.924
Tăng vốn năm trước	90.745.490.000	(40.000.000)	-	-	-	-	90.705.490.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	27.843.168.208	27.843.168.208
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(31.727.474.500)	(31.727.474.500)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1.392.158.410	(4.176.475.230)	(2.784.316.820)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn	-	-	2.623.766.138	-	-	-	2.623.766.138
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	(6.391.789.603)	-	-	-	(6.391.789.603)
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	(6.391.789.603)	11.243.301.309	9.947.663.499	28.269.468.742	392.042.364.347
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	(6.391.789.603)	11.243.301.309	9.947.663.499	28.269.468.742	392.042.364.347
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	32.119.067.170	32.119.067.170
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(27.223.647.000)	(27.223.647.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1.503.239.193	(4.509.717.580)	(3.006.478.387)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	6.391.789.603	-	-	-	6.391.789.603
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn năm nay	-	-	(11.470.855.106)	-	-	-	(11.470.855.106)
Số dư cuối năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	(11.470.855.106)	11.243.301.309	11.450.902.692	28.655.171.332	388.852.240.627

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng

Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hoan
Người lập biểu